

Số: .....189.2/CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 16 tháng 10 năm 2026

No: .....189.2/CV-ACBS.26

HCMC, October 16, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam;*  
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange;*  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

*Name of organization: ACB Securities Company*

- Mã thành viên/ *Broker code:* 006

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

*Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC*

- Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

*Telephone: (028) 7300 7000*

*Fax: (028) 7300 3751*

- E-mail: *cbtt@acbs.com.vn*

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đính chính công bố thông tin Báo cáo kết quả phân phối 07 chứng quyền có bảo đảm (chào bán bổ sung) tại công văn số 184.2/CV-ACBS.26 ngày 09/10/2026. Cụ thể, các Báo cáo kết quả phân 07 chứng quyền (chào bán bổ sung) đính kèm công bố thông tin ngày 09/10/2026 bị thiếu thông tin “mã chứng quyền” tại mục “1. Thông tin về chứng quyền” theo mẫu tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025, nội dung chi tiết như sau:

*ACB Securities Company (ACBS) hereby corrects the disclosure of information regarding the Report on the Distribution Results of 07 Covered Warrants (additional offering) under Official Letter No. 184.2/CV-ACBS.26 dated October 9, 2026. Specifically, the Reports on the Distribution Results of the 07 Covered Warrants (additional offering) attached to the information disclosure dated October 9, 2026, omitted the information on the “covered warrant code” under Section “1. Information on Covered Warrants” in the form prescribed in Appendix III issued together with Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025. The details are as follows:*



| STT<br>No. | Tên chứng quyền có bảo đảm<br><i>Covered warrant name</i> | Thông tin trước khi<br>đính chính (Báo cáo<br>đính kèm công bố<br>thông tin ngày<br>09/10/2026)<br><i>Information prior to<br/>the correction</i> | Thông tin sau khi<br>đính chính (Báo cáo<br>đính kèm công bố<br>thông tin ngày<br>16/10/2026)<br><i>Information after the<br/>correction</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01         | Chứng quyền/Warrant<br>FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93       | Không có thông tin mã<br>chứng quyền<br><i>No information on the<br/>covered warrant code</i>                                                     | Mã chứng quyền:<br>CFPT2610<br><i>Warrant code:</i><br>CFPT2610                                                                              |
| 02         | Chứng quyền/Warrant<br>MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94       | Không có thông tin mã<br>chứng quyền<br><i>No information on the<br/>covered warrant code</i>                                                     | Mã chứng quyền:<br>CMSN2609<br><i>Warrant code:</i><br>CMSN2609                                                                              |
| 03         | Chứng quyền/Warrant<br>VHM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/96       | Không có thông tin mã<br>chứng quyền<br><i>No information on the<br/>covered warrant code</i>                                                     | Mã chứng quyền:<br>CVHM2609<br><i>Warrant code:</i><br>CVHM2609                                                                              |
| 04         | Chứng quyền/Warrant<br>VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/97       | Không có thông tin mã<br>chứng quyền<br><i>No information on the<br/>covered warrant code</i>                                                     | Mã chứng quyền:<br>CVIB2604<br><i>Warrant code:</i><br>CVIB2604                                                                              |
| 05         | Chứng quyền/Warrant<br>VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98       | Không có thông tin mã<br>chứng quyền<br><i>No information on the<br/>covered warrant code</i>                                                     | Mã chứng quyền:<br>CVNM2605<br><i>Warrant code:</i><br>CVNM2605                                                                              |
| 06         | Chứng quyền/Warrant<br>VPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/99       | Không có thông tin mã<br>chứng quyền<br><i>No information on the<br/>covered warrant code</i>                                                     | Mã chứng quyền:<br>CVPB2608<br><i>Warrant code:</i><br>CVPB2608                                                                              |
| 07         | Chứng quyền/Warrant<br>VRE/ACBS/Call/EU/Cash/10M/100      | Không có thông tin mã<br>chứng quyền<br><i>No information on the<br/>covered warrant code</i>                                                     | Mã chứng quyền:<br>CVRE2603<br><i>Warrant code:</i><br>CVRE2603                                                                              |

Lý do: Thiếu sót trong quá trình nhập liệu.

*Reason: Data entry error.*

*Chi tiết theo file đính kèm/ Details in attached file.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/10/2026 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.

*This information was published on the company's website on October 16, 2026, as in the link <http://acbs.com.vn>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ Documents on disclosed information.

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information

Giám đốc Nhân sự

Chief Human Resources Officer 



**Võ Đình Nam**



## PHỤ LỤC SỐ III

## APPENDIX III

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN PHỐI CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐAM  
FORM FOR REPORTS OF COVERED WARRANT DISTRIBUTION RESULTS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm)

(Issued in conjunction with Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025 of the Ministry of Finance guiding covered warrants)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACB SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence – Freedom – HappinessTPHCM, ngày 18 tháng 10 năm 2026  
Ho Chi Minh City, October 18, 2026

## BÁO CÁO

## Report

Kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm

Results of Covered Warrants Distribution

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 457/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/09/2026)

(Certificate of Covered Warrant Issuance No.457/GCN-UBCK approved by Chairman of the State Securities Commission on September 28, 2026)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: The State Securities Commission

Tên tổ chức phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Name of issuing organization: ACB Securities Company

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh

Headquarters: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Số điện thoại: 028 - 7300 7000

Tel: 028 - 7300 7000

Số Fax: 028 - 7300 3751

Fax: 028 - 7300 3751

Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có): Không có

Name and address of underwriting organization: N/A

## I. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm phát hành

## I. Information of covered warrant issued:

## 1. Thông tin về chứng quyền:

## 1. Information of covered warrant issued:

- Tên chứng quyền có bảo đảm:

Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93

- Covered warrant name:

Warrant FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93

- Mã chứng quyền:

CFPT2610

- Warrant code:

CFPT2610

- Tên (mã) chứng khoán cơ sở:

FPT

- Underlying security code:

FPT

- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

Công ty Cổ phần FPT

- Underlying security issuer:

FPT Corporation

- Loại chứng quyền (mua/bán):

Mua

- Warrant type (Call/Put):

Call

- Kiểu chứng quyền:

Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn

- Exercise type:

A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date

- Phương thức thực hiện chứng quyền:

Chứng quyền được thanh toán bằng tiền

- Settlement type:

Cash settlement

- Thời hạn:

10 tháng

- Term:

10 months

- Ngày đáo hạn:

15/02/2027

- Maturity date:

February 15, 2027

- Tỷ lệ chuyển đổi:

10,7639:1

- Conversion ratio:

10.7639:1

- Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số): Không có

- Index multiplier (For index-based warrants): None

- Giá thực hiện (chỉ số thực hiện):

76.244 đồng

- Exercise price:

76,244 dong

- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

650.000.000 đồng

- The value of the collateral for payment security obligation:

650,000,000 dong

## 2. Thông tin đợt chào bán:

## 2. Offering Information:

- Ngày bắt đầu chào bán:

02/10/2026

- Starting date of offering:

October 2, 2026

- Ngày hoàn thành phân phối:

06/10/2026

- Close date of distribution:

October 6, 2026

- Thời gian nhận đăng ký mua:

Từ 8:00 ngày 02/10/2026 đến 17:00 ngày 06/10/2026

- Timeline for purchase registration:

From 8:00 AM on October 2, 2026 to 5:00 PM on October 6, 2026

- Ngày thanh toán tiền mua chứng quyền:

Từ 8:00 ngày 02/10/2026 đến 17:00 ngày 06/10/2026

- Date of payment:

From 8:00 AM on October 2, 2026 to 5:00 PM on October 6, 2026

- Ngày kết thúc chuyển giao chứng quyền:

06/10/2026

- Closing date for transfer of warrants:

October 6, 2026



Uhu

II. Kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm  
II. Covered Warrant Distribution Result

| Đối tượng mua chứng quyền<br>Type of investor                             | Giá chào bán (đồng/ chứng quyền)<br>Offering Price (VND/CW) | Số lượng chứng quyền chào bán<br>Offering Volume | Số lượng chứng quyền đăng ký mua<br>Subscribed Volume | Số lượng chứng quyền được phân phối<br>Distributed Volume | Số người đăng ký mua<br>Number of registered investors | Số người được phân phối<br>Number of distributed investors | Số chứng quyền chưa phân phối<br>Undistributed Volume | Tỷ lệ chứng quyền phân phối<br>Proportion |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó:<br>1. Retail clients, in which:          | 260<br>260                                                  | 5.000.000<br>5,000,000                           | 10.000                                                | 0                                                         | 1                                                      | 0                                                          | 5.000.000                                             | 0,00%                                     |
| - Nhà đầu tư trong nước:                                                  |                                                             |                                                  | 10,000                                                | 0                                                         | 1                                                      | 0                                                          | 5,000,000                                             | 0,00%                                     |
| - Local investors:                                                        |                                                             |                                                  | 10,000                                                | 0                                                         | 1                                                      | 0                                                          | 5,000,000                                             | 0,00%                                     |
| - Nhà đầu tư nước ngoài:                                                  |                                                             |                                                  | 0                                                     | 0                                                         | 0                                                      | 0                                                          | 0                                                     | 0,00%                                     |
| - Foreign investors:                                                      |                                                             |                                                  | 0                                                     | 0                                                         | 0                                                      | 0                                                          | 0                                                     | 0,00%                                     |
| 2. Nhà đầu tư tổ chức, trong đó:<br>2. Institutional Investors, in which: |                                                             |                                                  | 0                                                     | 0                                                         | 0                                                      | 0                                                          | 0                                                     | 0,00%                                     |
| - Nhà đầu tư trong nước:                                                  |                                                             |                                                  | 0                                                     | 0                                                         | 0                                                      | 0                                                          | 0                                                     | 0,00%                                     |
| - Local investors:                                                        |                                                             |                                                  | 0                                                     | 0                                                         | 0                                                      | 0                                                          | 0                                                     | 0,00%                                     |
| - Nhà đầu tư nước ngoài:                                                  |                                                             |                                                  | 0                                                     | 0                                                         | 0                                                      | 0                                                          | 0                                                     | 0,00%                                     |
| - Foreign investors:                                                      |                                                             |                                                  | 0                                                     | 0                                                         | 0                                                      | 0                                                          | 0                                                     | 0,00%                                     |
| Tổng số                                                                   |                                                             |                                                  | 10.000                                                | 0                                                         | 1                                                      | 0                                                          | 5.000.000                                             | 0,00%                                     |
| Total                                                                     |                                                             |                                                  | 10,000                                                | 0                                                         | 1                                                      | 0                                                          | 5,000,000                                             | 0,00%                                     |

III. Tổng hợp kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm:  
III. Summary of Warrant Distribution Results:

1. Tổng số chứng quyền có bảo đảm đã phân phối: 0 chứng quyền, chiếm 0% tổng số chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán.  
1. Total distributed volume: 0 Warrants, accounted for 0 % of total offering volume.
2. Tổng số tiền thu từ việc bán chứng quyền có bảo đảm: 0 đồng (có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm đính kèm)  
2. Total Proceeds from the sales of warrants: VND 0 (confirmed by the bank which holds the blocked account to receive cash transfers for warrants purchase).
3. Tổng chi phí: 0 đồng.  
3. Total cost: VND 0
- Phí bảo lãnh phát hành: 0 đồng  
- Underwriting fee: VND 0
- Phí phân phối chứng quyền có bảo đảm: 0 đồng  
- Distribution fee: VND 0
4. Tổng thu ròng từ đợt phân phối: 0 đồng  
4. Net proceeds from the distribution: VND 0

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2026  
Ho Chi Minh City, October 15, 2026

TƯ  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
LEGAL REPRESENTATIVE  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
(Sign, write full name and stamp)

ACB  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN  
P. XUAN HOA - T.P HO CHI MINH

Nguyễn Đức Hoàn  
TỔNG GIÁM ĐỐC